

VẤN ĐỀ NGUỒN NHÂN LỰC VÀ NHÂN TÀI NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỈ XXI TẠI MỘT SỐ NƯỚC

• GS.TS. LỘC PHƯƠNG THÙY
Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

Cùng với tiến trình toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế, cũng như với sự phát triển mạnh mẽ của các công nghệ hiện đại, việc đào tạo, quản lí và sử dụng nguồn nhân lực (NNL) và nhân tài là một thách thức lớn đối với toàn nhân loại. Cho đến nay, đã có khá nhiều tác giả quan tâm nghiên cứu về vấn đề này [1].

Chương trình MOST (Management of Social Transformation, *Chương trình nghiên cứu quản lí biến đổi xã hội*) [2] của UNESCO là chương trình nghiên cứu nhân tài và nhân lực trên phạm vi toàn thế giới. Chương trình đi vào nghiên cứu các dòng di chuyển nhân lực trên thế giới, đặc biệt là nhân lực cao cấp, nhằm giúp các nhà lãnh đạo, các nhà hoạch định chính sách đưa ra các chính sách và chiến lược quản lí NNL và nhân tài một cách hợp lí và hiệu quả nhất.

Ở châu Âu, những năm gần đây, Liên minh châu Âu (EU) coi việc đào tạo nhân tài và đào tạo NNL có chất lượng cao là chiến lược sống còn đối với cộng đồng trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế của thế kỉ XXI. Tháng 3.2000, Hội đồng châu Âu họp tại Lisbonne, các nguyên thủ quốc gia và chính phủ các nước trong EU đã thông qua *chương trình chung (2000-2010) về phát triển kinh tế xã hội nhằm đáp ứng các thách thức của thời đại hội nhập toàn cầu*. Mục tiêu của chương trình này là nhằm đưa EU trở thành nền kinh tế có khả năng cạnh tranh cao nhất và năng động nhất trên thế giới. Để thực hiện được chiến lược đó, EU chú trọng đến đào tạo NNL chất lượng cao và đào tạo suốt đời cho người dân với tham vọng dành tới tới 3% GNP (tổng sản phẩm quốc gia) của EU cho nghiên cứu và phát triển. Đặc biệt, EU có chính sách tạo ra một không gian châu Âu để tạo điều kiện giao lưu (mobilité) cho sinh viên và giáo viên các trường đại học (ĐH) các nước trong EU, đưa các công nghệ thông tin vào giảng dạy và học tập, học tập và sử dụng ngoại ngữ, chuẩn hoá các chương trình đào tạo và bằng cấp của các nước trong EU, cũng như tạo điều kiện giao

lưu và hợp tác với các nước phát triển và đang phát triển khác.

Tại Pháp: Việc đào tạo nhân lực và nhân tài, mặc dù có nhiều thay đổi trong các giai đoạn của lịch sử, luôn được coi là một trong những nhiệm vụ chủ yếu của nhà nước.

Nhân tài (elites) ở Pháp được đào tạo và chọn lựa trên cơ sở năng lực cá nhân (meritocratie). Từ cuối thế kỉ XIX phương pháp này được coi là phương pháp thích hợp và dân chủ nhất, có nghĩa là cho phép bất cứ công dân có năng lực nào cũng được đào tạo và sử dụng đúng với tài năng của mình. Hệ thống trường Lớn (Grandes Ecoles) nhằm đào tạo nhân tài của Pháp được thành lập trên cơ sở này [3]. Sang thế kỉ XX, nhu cầu đào tạo phát triển đã đưa đến việc dân chủ hoá đại học, thông qua việc phát triển hệ thống trường Tổng hợp có nhiệm vụ thu nhận toàn bộ học sinh tốt nghiệp phổ thông (Baccalaureat) có nhu cầu vào học. Tuy nhiên, những năm gần đây mô hình hệ thống đào tạo này cũng có nhiều ý kiến phê phán. Pháp có Hội ANDES (Hội các tiến sĩ khoa học Pháp) là hội có mục đích quảng bá cho việc đào tạo cấp tiến sĩ và các đóng góp của các tiến sĩ (tất cả các ngành khoa học tự nhiên và xã hội) vào phát triển kinh tế xã hội nhằm giúp cho việc đào tạo và quản lí nhân tài (ở cấp tiến sĩ) bằng cách đưa ra các đề nghị giúp các nhà hoạch định chính sách, cũng như giúp các tiến sĩ có dịp sử dụng tốt hơn khả năng của mình trong nghiên cứu, giảng dạy, hoạt động kinh tế. ANDES tổ chức và quản lí một mạng lưới các tiến sĩ làm việc trong doanh nghiệp (thành lập năm 2004, hiện có 150 nghìn thành viên) và một mạng lưới các tiến sĩ Pháp làm việc tại nước ngoài. *Hiện nay, câu hỏi chính được đặt ra với nhà nước Pháp là làm sao đào tạo được NNL có chất lượng nhằm phục vụ phát triển kinh tế xã hội tại Pháp và đối đầu với cạnh tranh kinh tế toàn cầu* [4].

Xu hướng gần đây khi nghiên cứu về NNL, phát triển nhân tài của các nước trên thế giới nói

chung, châu Âu nói riêng là xu hướng liên ngành, bởi vấn đề này, về thực chất đã không còn đơn thuần là của riêng một khoa học nào.

Con đường nhất thể hoá giáo dục đại học (GDĐH) châu Âu đã được thể hiện trong *tuyên bố và tiến trình Bologna*. Các nước châu Âu đã nhất thể hoá về chính trị và tiền tệ, một số lĩnh vực kinh tế trong cơ cấu EU. Về GDĐH, mặc dù nhiều trường ĐH nổi tiếng của châu Âu đã tồn tại trong suốt ba phần tư thiên niên kỉ trước, bốn nước Ý, Pháp, Anh, Đức (là những nước có nền GDĐH lâu đời nhất ở châu Âu và thế giới) từ sau thế chiến thứ hai đến nay đã phải nhường vị trí dẫn đầu thế giới cho Hoa Kỳ vì không cạnh tranh nổi trước sự phát triển vượt trội của nền GDĐH Mỹ. Các bộ trưởng phụ trách GDĐH của bốn nước Ý, Anh, Pháp, Đức đã họp nhau tại ĐH Sorbonne, Paris (25/5/1998) kí tuyên bố chung đưa ra sáng kiến kêu gọi các quốc gia châu Âu cùng nhau xây dựng mô hình chung GDĐH châu Âu. Hưởng ứng sáng kiến trên, ngày 19/6/1999 tại Bologna, Italia 29 Bộ trưởng phụ trách GDĐH châu Âu đã họp và kí tuyên bố gọi là "Tuyên bố Bologna". Hai năm sau ngày 19/5/2001 các Bộ trưởng GD đại diện 32 nước lại họp nhau tại Praha (Cộng Hoà Séc) đã khẳng định lại mục tiêu trên. Ngày 19/9/2003 Bộ trưởng GD 32 nước lại họp tại Berlin (Đức) kí thông báo "Tiến trình Bologna" xác định các nguyên tắc hành động chung, đồng thời kết nạp thêm một số nước cùng tham gia "Tiến trình Bologna" nâng lên tới 40 nước trong đó có Liên bang Nga.

Tại Vương Quốc Anh : Hệ thống giáo dục và đào tạo NNL của quốc gia này luôn được cả thế giới công nhận và đánh giá cao [5]. Có thể nhận thấy, tại Anh, mục tiêu của Bộ Giáo dục và Lao động Anh (DFEE) là làm cho mọi người có được cơ hội tốt nhất trong giáo dục, đào tạo và lao động. Các mục tiêu giáo dục của Vương quốc Anh thể hiện ở những luận điểm chính sau:

- Bảo đảm cho tất cả các công dân tới 16 tuổi đạt các tiêu chuẩn cao nhất về các kĩ năng cơ bản và một nền tảng vững chắc về học hành, làm việc và thực hiện nghĩa vụ lâu dài của người công dân.

- Nhà nước khuyến khích người dân không ngừng nâng cao kiến thức, các kĩ năng và sự hiểu biết trong suốt cuộc đời họ và hoàn thiện khả năng làm việc trong một thị trường lao động đang có nhiều biến đổi, bằng việc ra sức tạo các điều

kiện thuận lợi cho các cơ hội tự học tập, tự đào tạo.

- Nhà nước tạo điều kiện giúp đỡ những người không có công ăn việc làm.

- Thúc đẩy sự bình đẳng về cơ hội trong giáo dục, đào tạo và nơi làm việc, bao gồm cả việc xoá bỏ những ngăn cấm, sự tước đoạt cơ hội được giáo dục và đào tạo trong xã hội.

Mấy năm gần đây, Chính phủ của Công đảng Anh hết sức quan tâm đến phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo NNL, nhân tài của đất nước. Tại Đại hội năm 2000 của Công đảng, ông Tony Blair đã nhấn mạnh, dù là trước đây, hiện tại hay tương lai, chính sách quan trọng nhất của nước Anh *vốn là giáo dục, giáo dục và giáo dục*. Tại một trường đại học ở Luân Đôn, ông Tony Blair đã nhấn mạnh: "Ra sức phát triển sự nghiệp giáo dục là nhiệm vụ chiến lược hàng đầu của nước Anh trong thế kỉ XXI".

Giáo dục ở Vương quốc Anh là bắt buộc đối với tất cả mọi người trong độ tuổi từ 5 đến 16, và được cung cấp thông qua hai loại trường: trường công lập và trường tư thục (phải trả học phí). Vương quốc Anh có hai hệ thống rõ ràng về các khóa học và văn bằng: một hệ thống áp dụng cho Anh, xứ Wales và Bắc Ai-len, và một áp dụng cho Scotland, mỗi hệ thống đều tương thích với nhau.

Tại Mỹ : Hệ thống GDĐH Mỹ tuy không đồng nhất mà lệ thuộc vào sự quản lí của từng bang nhưng nói chung có nhiều điểm nổi bật. Đó là, *thứ nhất, tính cực kì đa dạng, đa cấp, đa mục tiêu*. Toàn bộ hệ thống GD sau trung học của Mỹ được gọi là GDĐH (higher education). Hệ thống GDĐH bao gồm: 1) Các trường cao đẳng và các ĐH (University) ; 2) Trường cao đẳng kĩ thuật nghề nghiệp (voc/Tech Institutions); 3) Trường cao đẳng (Junior colleges). ĐH Mỹ có hơn 1000 chuyên ngành nghề đào tạo. *Thứ hai*, GD ĐH Mỹ có *tính liên thông cao*, tiến hành giảng dạy theo chế độ tín chỉ. *Thứ ba*, Nền ĐH Mỹ thể hiện *tính đại trà*, trước đại chiến II, Mỹ tổ chức các ĐH tinh hoa, nhưng sau đó đã chuyển hướng mở rất nhiều trường ĐH và mở rộng cửa để thu hút đông đảo thanh niên có thể dễ dàng tiếp cận GDĐH. GD ĐH Mỹ được nhà nước đầu tư rất lớn coi đó là mục tiêu đầu tư vào nguồn vốn con người. Năm 1997 chi phí cả nhà nước và tư nhân ở Mỹ là 564 tỉ đô la, chiếm 7% GDP. Hàng năm chính phủ liên bang và các bang chi cho

GDDH khoảng 60 tỉ đô la, nhưng chỉ chiếm 50% tổng chi phí mà ngành ĐH Mỹ nhận được vì còn nhận từ các nguồn tài chính khác (học phí của người học, đầu tư của tư nhân, các tổ chức xã hội, doanh nghiệp..) Tuy ĐH Mỹ có thu tiền học phí nhưng sinh viên học trường công lập hay tư thực đều có thể hưởng lợi từ các chương trình ưu đãi liên bang về vay vốn và chỉ phải trả sau tốt nghiệp. Năm 1999 có đến trên một nửa tổng số sinh viên Mỹ được trợ giúp tài chính từ phía nhà nước, trong đó có 39% được nhận học bổng, 29% được vay tín dụng.

Tại Canada : Chính sách đào tạo NNL, nhân tài của Canada chịu ảnh hưởng của tư tưởng chủ đạo của Mỹ-Anh, cũng như tư tưởng của khối Pháp ngữ (tại Quebec).

Canada là một liên bang gồm 10 tỉnh và 3 vùng lãnh thổ. Canada có rất nhiều các trường ĐH, cao đẳng ở khắp các tỉnh thành ở nông thôn cũng như các trung tâm thành phố lớn. Đó là các trường ĐH nổi tiếng khắp thế giới về chất lượng giảng dạy cũng như công tác nghiên cứu. Bằng cấp có được từ những trường ĐH này cũng tương đương với bằng cấp của Mỹ. Nguồn tài chính của phần lớn các trường ĐH ở Canada là do Chính phủ đầu tư. Đa số các trường đều có chất lượng giảng dạy rất cao dù ở vị trí và lĩnh vực đào tạo nào đi chăng nữa. Mỗi trường đều có sự độc lập và những nét riêng biệt trong phương pháp giáo dục đào tạo.

Ở Canada có khoảng gần 200 trường thuộc loại hình trường trung học cộng đồng và các viện công nghệ.

Canada không có kì thi đầu vào ĐH chung cho toàn quốc. Một số trường ĐH, học viện nổi tiếng của Canada là: ĐH Waterloo; ĐH Toronto; ĐH Victoria; ĐH Ottawa; ĐH British Columbia; ĐH Western v.v...[6]. Canada có chính sách thu hút nhân lực cao và nhân tài của các nước phát triển và đang phát triển.

Tại Nhật Bản: Đào tạo nhân tài của Nhật Bản đã được coi là vấn đề chủ chốt của toàn bộ hệ thống giáo dục Nhật với phương châm "Nhân tài là động cơ của xã hội Nhật" [7]. Việc đào tạo nhân tài ở Nhật hết sức tập trung, thực hiện chỉ trong khoảng 5% trên tổng số 709 trường ĐH của cả nước. Tuy vậy, mặc dù khoảng $\frac{3}{4}$ là trường tư thực, các trường có tiếng nhất vẫn là các trường công lập, điều đó khẳng định sự quan tâm của nhà nước Nhật đối với giáo dục đào tạo. Nhật Bản vốn là một cường quốc giáo dục, đứng thứ hai sau Mỹ

về tỉ lệ dân số đi học ĐH (40% dân số 18 tuổi đi học các trường ĐH 4 năm và 70% dân số từ 18-64 tuổi theo học các loại hình trường ĐH); cùng với Mỹ, Nhật Bản đã từ giai đoạn giáo dục ĐH đại chúng (15% dân số trong độ tuổi đi học ĐH) đang bước vào giai đoạn phổ cập GDDH (trên 50% dân số trong độ tuổi đi học ĐH); GD ĐH của Nhật có thể sánh cùng Mỹ về số lượng ĐH nổi tiếng thế giới. Tuy vậy người Nhật vẫn cho rằng GDDH của họ cần học tập GDDH Mỹ về chất lượng, đặc biệt về chương trình kiến thức và kinh nghiệm các môn khoa học và nghệ thuật, chương trình đào tạo sau ĐH.

Tại Trung Quốc : Chính phủ Trung Quốc cũng nhận định rằng phát triển đất nước phải dựa trên đào tạo khoa học và kĩ thuật [8]. Trung Quốc đã thực sự coi trọng nhân tài trên tất cả lĩnh vực nhưng tập trung vào ba loại nhân tài: lãnh đạo, quản lí Đảng và chính quyền ; quản lí kinh doanh và kĩ thuật chuyên môn [9].

Trung Quốc có chính sách ưu tiên cho ba loại nhân tài nêu trên. Trung Quốc đã xác định nguyên tắc chung là: "Đảng quản lí nhân tài" và phân cấp quản lí nhân tài theo hệ thống tổ chức: Ở trung ương là Cục Nhân tài thuộc Ban Tổ chức T.Ư Đảng Cộng sản Trung Quốc đến ban (phòng) nhân tài ở tất cả các bộ, ban ngành. Ví dụ như Bộ Nhân sự có bộ phận chức danh, Bộ Tài chính có một bộ phận đãi ngộ vật chất cho nhân tài... Mỗi tỉnh thành lập tổ công tác nhân tài do một phó bí thư tỉnh ủy làm tổ trưởng với sự tham dự của các sở, ban, ngành.

Đối với nhân tài "nguồn", Trung Quốc cho phép hai trường ĐH hàng đầu là ĐH Thanh Hoa và ĐH Bắc Kinh được tổ chức tuyển chọn những học sinh xuất sắc nhất trong cả nước trước khi tổ chức thi tuyển sinh đại trà vào các trường ĐH, CĐ.

Một phương thức phát hiện và tuyển chọn khác: ứng viên nhân tài cấp quốc gia (yêu cầu tuổi dưới 45) được bình xét hai năm một lần thông qua tiến cử của các cơ sở rồi do chuyên gia tổ chức của Bộ Nhân sự tiến hành đánh giá. Mỗi lần phê chuẩn 500 người. Đến nay trải qua bốn lần xét chọn đã có 2.216 người được chọn theo con đường này.

Những người có cống hiến nổi bật được nhận chế độ trợ cấp đặc biệt của chính phủ. Từ 1990-2002, tổng cộng đã có 12 đợt tuyển chọn với 147.000 chuyên gia được hưởng chế độ này. Từ 2004-2010, Trung Quốc dự kiến cứ hai năm xét

duyet một lần các chuyên gia được nhận trợ cấp đặc biệt, mỗi lần xét duyệt 4.000 người, mỗi người được trợ cấp 20.000 ND tệ/lần (tương đương 40 triệu đồng VNĐ).

Tại Liên bang Nga : Từ sau năm 1990, sự thay đổi thể chế chính trị-xã hội tại Liên xô trước đây đã kéo theo sự thay đổi nhiều mặt của xã hội Nga, trong đó có GD. Phương hướng cơ bản nhất của cải cách GD ở Liên bang Nga là tạo ra những điều kiện nền tảng để chuyển đổi hệ thống GD đồng nhất cứng nhắc trước đây thành *hệ thống GD mở* và phân hoá với tinh thần đa dạng hoá về loại hình trường lớp; đa dạng hoá về nội dung GD và bảo đảm việc tự do lựa chọn sách giáo khoa, chương trình học chuyên sâu của người học; khu vực hoá và thành thị hoá hệ thống GD; ủng hộ sự phát triển trường quốc gia, đồng thời bảo đảm sự tồn tại và phát triển của không gian GD chung.

Một sự thay đổi đáng kể trong GD của Liên bang Nga hiện nay là chấp nhận và ủng hộ sự phát triển của GD ngoài công lập. Hệ thống các trường ĐH ngoài công lập phát triển mạnh hơn. Nếu năm 1995, có 759 các trường ĐH, trong đó có 193 trường ngoài công lập thì đến năm 2000, số trường ĐH ngoài công lập lên đến 334 trường trên tổng số 921 trường ĐH các loại với khoảng 250.700 sinh viên.

Trên thực tế, Bộ GD Liên Bang Nga đã *đánh giá cao vị trí hệ thống GD ngoài công lập*, coi phát triển GD ngoài công lập là vấn đề cấp thiết và GD ngoài công lập là hiện tượng nổi bật của GD Liên bang Nga nhằm thực hiện quyền được lựa chọn của sinh viên về hình thức tổ chức học tập, chương trình GD. Về GDĐH, ở Liên bang Nga hiện có các loại hình trường sau :

Thứ nhất, Universitet- trung tâm đào tạo ĐH và nghiên cứu khoa học cao nhất, đa ngành, đa lĩnh vực, quy mô lớn. Loại trường này không chỉ đào tạo ĐH mà còn đào tạo sau ĐH (thạc sĩ, phó tiến sĩ, tiến sĩ) và nghiên cứu khoa học cơ bản và ứng dụng ở nhiều lĩnh vực, trong trường có nhiều phòng thí nghiệm và viện nghiên cứu.

Thứ hai, Akademia- trung tâm đào tạo ĐH, sau ĐH ở trình độ cao nhưng không đa lĩnh vực, đa ngành và nghiên cứu khoa học cơ bản và ứng dụng chuyên ngành. Loại trường này có quy mô trung bình.

Thứ ba, Institut - trung tâm đào tạo độc lập hoặc là thành viên của Akademia, Universitet. Loại trường này chủ yếu đào tạo ĐH và nghiên

cứu khoa học - kĩ thuật hoặc cơ bản ở mức trung bình.

Kinh nghiệm chăm lo cho sự nghiệp GDĐH, xây dựng phát triển NNL, nhân tài của một số quốc gia được nêu trên đây chắc chắn phần nào giúp ích cho chúng ta thực hiện cải cách có hiệu quả nền GD nước nhà trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO VÀ TRÍCH DẪN :

1. Xem: Marquardt Mọi & Engel D. 1993, *Global Human Resource Development*, Prentice Hall, Englewood Cliffs; Mehmet O. (1988), *Human Resource Development in the Third World – Case of Success and Failure*, Ronal P. Frye & Company, Kingston; Nadler L. & Nadler Z. (1990), *The Handbook of Human Resource Development*, John Wiley, New York; Nadler L. & Nadler Z. (1992), *Every Manager's Guide to Human Resource Development*, Jossey-Bass Publishers, San Francisco; UNDP, *The Human Development Report*, CD-ROM 1990-1999.

2. Chương trình MOST (Chương trình quản lí các biến đổi xã hội)

http://portal.unesco.org/shs/fr/ev.php-URL_ID=3511&URL_DO=DO_TOPIC&URL_SECTION=201.html

3. ADANGNIKOU Noël ; PAUL Jean-Jacques ; DURU-BELLAT Marie, contrib. ; KIEFFER Annick, *Efficiency de l'enseignement supérieur dans la production des élites. Le cas des classes préparatoires scientifiques aux grandes écoles*, *Cahiers de l'Irêdu*, N°67, 2004.- Dijon, IREDU, 164 p. ; BOURDIEU P. (1989) : *La Noblesse d'état. Grandes écoles et esprit de corps*, Paris, Minuit.

4. Léotard Marie-Laure (2001). *Dressage des élites : De la maternelle aux grandes écoles, un parcours pour initiés*. Paris : Plon; WAGNER A.-M. (1998) : *Les nouvelles élites de la mondialisation. Une immi-gration dorée en France*, Paris, PUF.

5. Xem, http://www.isc-ukeas.com/high_schools/uk_education.htm (1-2007)

6. Nguồn: http://atlantic.edu.vn/home/?xm=view_news&cid=46&id=102; http://crisop.edu.vn/detail_msg.asp?SubCatID=296&msgID=424&lang=1

7. Xem, «Formation des élites». *Revue internationale d'éducation - Sèvres*, n° 39, 2005 :

* Jean-François Sabouret, *Les élites anciennes et nouvelles au Japon*,

* Romain Huret, *Le recrutement des élites aux États-Unis au XX e siècle*,

(Xem tiếp trang 40)